TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 948/2018/DS-ST
Ngày 29 tháng 5 năm 2018
V/v: Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Cẩm Vân
2. Bà Nguyễn Thị Bính Thân

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Minh Hoài, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Ngọc – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án dân sự thụ lý số 0078/2015/TLST – DS ngày 04 tháng 02 năm 2015 về việc: "Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2018/QĐXXST - DS ngày 10/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2018/QĐST – DS ngày 03/5/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần S**

Trụ sở: Đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Đường N, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Ngọc K

(Giấy ủy quyền số 41/2018/UQ-TTT ngày 02/01/2018)

Địa chỉ: Đường L, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bi đơn: Ông **Nguyễn Hữu Q** – Sinh năm: 1973

Địa chỉ: Đường X, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/01/2015, đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/3/2017, các bản tự khai và các biên bản hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Ngọc K trình bày:

Ngày 09/4/2009, Ngân hàng thương mại cổ phần S (Gọi tắt là Ngân hàng S) có ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với ông Nguyễn Hữu Q. Hợp đồng này gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng cùng Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Căn cứ thu nhập của ông Q, Ngân hàng S đã cấp thẻ tín dụng Visa Gold 472075 – 2500, hạn mức 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng. Ngày 18/5/2011, ông Q ký thêm giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng thẻ tín dụng Visa Platinum 436438-2810 với hạn mức sử dụng 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng. Ngày 14/4/2014, ông Q đăng ký thêm thẻ tín dụng JCB Car Card 356481-7078 với hạn mức sử dụng là 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng cho đến nay, ông Q đã thực hiện các giao dịch của cả 3 thẻ trên như sau:

- Thẻ Visa Gold 472075 – 2500: Ông Quyền sử dụng từ ngày 15/12/2009 đến 15/12/2014 với tổng tiền đã sử dụng là 201.949.917 đồng. Phí trễ hạn là 4.237.440 đồng. Phí vượt hạn mức là 400.000 đồng. Phí rút tiền mặt, phí thường niên, tin nhắn là 7.940.000 đồng, lãi trong hạn là 54.141.697 đồng. Ông Q thanh toán được 223.061.461 đồng. Sau khi ưu tiên thanh toán các loại phí và lãi trong hạn thì số tiền vốn còn nợ lại là 45.607.593 đồng chuyển nợ quá hạn từ ngày 16/12/2014. Lãi suất quá hạn là 150% x 2,15% tương đương 3,225%/tháng.

- Thẻ Visa Platinum 436438-2810: Ông Q sử dụng từ ngày 25/6/2011 đến 25/11/2014 với tổng số tiền sử dụng là 279.023.599 đồng. Phí trễ hạn là 12.317.171 đồng, phí thường niên, tin nhắn và rút tiền mặt là 11.968.600 đồng, lãi trong hạn là 128.986.222 đồng. Ông Q thanh toán 273.408.441 đồng. Sau khi ưu tiên thanh toán các loại phí và lãi trong hạn thì số tiền vốn còn nợ lại là 158.887.151 đồng chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 26/11/2014. Lãi suất nợ quá hạn là 150% x 2,15% tương đương 3,225%/tháng.

- Thẻ JCB Car Card 356481-7078: Ông Q sử dụng từ ngày 05/05/2014 đến ngày 05/02/2015. Ông Q không thanh toán lần nào cho thẻ này. Đến ngày 06/02/2015, Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn là 524.806 đồng. Lãi suất nợ quá hạn là 150% x 2,5% tương đương 3,75%/tháng.

Qua nhiều lần nhắc nhở, ông Q vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng Sđã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông Q và chuyển toàn bộ số nợ sang nợ quá hạn.

Nay, Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu ông Nguyễn Hữu Q phải thanh toán tổng số nợ vốn là 205.019.550 đồng và tổng tiền lãi còn thiếu theo lãi suất nợ quá hạn từ thời điểm chuyển quá hạn của từng loại thẻ tín dụng nêu trên đến thời điểm xét xử sơ thẩm, thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật và ông Q phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh theo lãi suất quy định tại các hợp đồng sử dụng các thẻ tín dụng nêu trên cho đến khi trả dứt nợ.

Bị đơn – ông Nguyễn Hữu Q vắng mặt suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ kiện mặc dù Tòa án đã thực hiện thủ tục triệu tập và niêm yết hợp lệ. Ông Q cũng không gửi văn bản phản hồi đến Tòa.

Tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Trong đơn này, phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trên, cụ thể tính đến ngày 29/5/2018 ông Nguyễn Hữu Q còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền là 487.168.426 đồng, trong đó nợ vốn: 205.019.550 đồng và nợ tiền lãi: 282.148.876 đồng; yêu cầu ông Q phải thanh toán số tiền này ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, nguyên đơn yêu cầu ông Q phải tiếp tục trả lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán phát sinh kể từ ngày 30/5/2018 theo mức lãi suất thỏa thuận tại từng hợp đồng sử dụng từng loại thẻ tín dụng Visa Gold 472075 – 2500, Visa Platinum 436438-2810 và JCB Car Card 356481-7078.

Bị đơn – ông Nguyễn Hữu Q vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa triệu tập xét xử hợp lệ và cũng không gửi văn bản ý kiến đến phiên tòa.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Thẩm phán đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.Về phía các đương sự, nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía bị đơn, từ khi thụ lý vụ kiện đến phiên tòa, bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ chứng cứ nguyên đơn cung cấp, căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của các tổ chức tín dụng, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp dân sự về Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Bị đơn có địa chỉ tại quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về người tham gia tố tụng:

Ngày 29/5/2018, ông Lê Ngọc K là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ kiện vắng mặt nguyên đơn.

Về phía bị đơn, Tòa đã tống đạt xét xử hợp lệ triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa sơ thẩm lần 1 mở ngày 03/5/2018 và lần 2 mở ngày 29/5/2018 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ các Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 09/4/2009, ngày 18/5/2011 và Giấy cấp thẻ tín dụng quốc tế Car card ngày 14/4/2014 do bị đơn ký tên chủ thẻ chính cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện đã đủ cơ sở xác định bị đơn đã được nguyên đơn cấp 03 loại thẻ tín dụng gồm:

- 01 thẻ Visa Gold 472075 – 2500
- 01 thẻ Visa Platinum 436438-2810
- 01 thẻ JCB Car Card 356481-7078

Căn cứ Bản sao kê tín dụng thì quá trình sử dụng ba loại thẻ trên của bị đơn như sau:

- Thẻ Visa Gold 472075 – 2500: Bị đơn sử dụng từ ngày 15/12/209 đến 15/12/2014 với tổng tiền đã sử dụng là 201.949.917 đồng. Phí trễ hạn là 4.237.440 đồng. Phí vượt hạn mức là 400.000 đồng. Phí rút tiền mặt, phí thường niên, tin nhắn là 7.940.000 đồng, lãi trong hạn là 54.141.697 đồng. Bị đơn thanh toán được 223.061.461 đồng. Sau khi ưu tiên thanh toán các loại phí và lãi trong hạn thì số tiền vốn còn nợ lại là 45.607.593 đồng chuyển nợ

quá hạn từ ngày 16/12/2014. Lãi suất quá hạn là 150% x 2,15% tương đương 3,225%/tháng.

- Thẻ Visa Platinum 436438-2810: Bị đơn sử dụng từ ngày 25/6/2011 đến 25/11/2014 với tổng số tiền sử dụng là 279.023.599 đồng. Phí trể hạn là 12.317.171 đồng, phí thường niên, tin nhắn và rút tiền mặt là 11.968.600 đồng, lãi trong hạn là 128.986.222 đồng. Bị đơn thanh toán 273.408.441 đồng. Sau khi ưu tiên thanh toán các loại phí và lãi trong hạn thì số tiền vốn còn nợ lại là 158.887.151 đồng chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 26/11/2014. Lãi suất nợ quá hạn là 150% x 2,15% tương đương 3,225%/tháng.

- Thẻ JCB Car Card 356481-7078: Bị đơn sử dụng từ ngày 05/05/2014 đến ngày 05/02/2015. Bị đơn không thanh toán lần nào cho thẻ này. Đến ngày 06/02/2015, nguyên đơn chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn là 524.806 đồng. Lãi suất nợ quá hạn là 150% x 2,5% tương đương 3,75%/tháng.

Như vậy, tính đến ngày 29/5/2018, bị đơn còn nợ nguyên đơn do việc sử dụng ba loại thẻ tín dụng nêu trên với tổng số tiền là 487.168.426 (Bốn trăm tám mươi bảy triệu một trăm sáu mươi tám ngàn bốn trăm hai mươi sáu) đồng, trong đó:

- Tiền vốn: 205.019.550 (Hai trăm lẻ năm triệu không trăm mười chín ngàn năm trăm năm mươi) đồng;

- Tiền lãi: 282.148.876 (Hai trăm tám mươi hai triệu một trăm bốn mươi tám ngàn tám trăm bảy mươi sáu) đồng;

Đã hơn 03 năm mà bị đơn không thanh toán số nợ từ ba loại thẻ trên cho nguyên đơn nên HĐXX thiết nghĩ yêu cầu của nguyên đơn hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận toàn bộ.

Về phía bị đơn đã được Tòa triệu tập hợp lệ các thủ tục tố tụng trong quá trình thu thập chứng cứ và xét xử nhưng bị đơn đều vắng mặt, cũng không có văn bản phản hồi ý kiến hay yêu cầu đến Tòa. Cho thấy, bị đơn tự từ bỏ quyền lợi tố tụng của mình. Do đó, HĐXX cần phải buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 487.168.426 (Bốn trăm tám mươi bảy triệu một trăm sáu mươi tám ngàn bốn trăm hai mươi sáu) đồng cho nguyên đơn ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật; bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán phát sinh kể từ ngày 30/5/2018 theo mức lãi suất thỏa thuận tại từng hợp đồng sử dụng từng thẻ tín dụng Visa Gold 472075 – 2500, Visa Platinum 436438-2810 và JCB Car Card 356481-7078.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/12/2009, án phí đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền 204.290.722 đồng theo Đơn khởi kiện ngày 14/01/2015 là 10.214.536 đồng;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, án phí đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung theo Đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/3/2017 là 14.143.885 đồng;

Tổng cộng án phí dân sự sơ thẩm là 24.358.421 đồng (Hai mươi bốn triệu ba trăm năm mươi tám ngàn bốn trăm hai mươi mốt) đồng, bị đơn phải chịu do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ.

Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.107.268 (Năm triệu một trăm lẻ bảy ngàn hai trăm sáu mươi tám) đồng theo Biên lai thu số 0000693 ngày 04/02/2015 và số tiền 4.557.476 (Bốn triệu năm trăm năm mươi bảy ngàn bốn trăm bảy mươi sáu) đồng theo Biên lai thu số 0009922 ngày 14/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

- Căn cư Thông tư số 19/2016/TT - NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

- Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được công bố theo Quyết định số 698/QĐ – CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1/ Buộc ông Nguyễn Hữu Q trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền nợ tính đến ngày 29/5/2018 là 487.168.426 (Bốn trăm tám mươi bảy triệu một trăm sáu mươi tám ngàn bốn trăm hai mươi sáu) đồng, trong đó:

- Tiền gốc nợ thẻ Visa Gold 472075 – 2500: 45.607.593 (Bốn mươi lăm triệu sáu trăm lẻ bảy ngàn năm trăm chín mươi ba) đồng.

- Tiền gốc nợ thẻ Visa Platinum 436438 – 2810: 158.887.151 (Một trăm năm mươi tám triệu tám trăm tám mươi bảy ngàn một trăm năm mươi mốt) đồng.

- Tiền gốc nợ thẻ JBC Car Card 356481 – 7078: 524.806 (Năm trăm hai mươi bốn ngàn tám trăm lẻ sáu) đồng.

- Tiền lãi là 282.148.876 (Hai trăm tám mươi hai triệu một trăm bốn mươi tám ngàn tám trăm bảy mươi sáu) đồng;

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong từng hợp đồng sử dụng từng loại thẻ nêu trên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ mà nguyên đơn cho vay thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của nguyên đơn.

Thi hành tại Chi cục thi hành án có thẩm quyền.

2/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 24.358.421 đồng (Hai mươi bốn triệu ba trăm năm mươi tám ngàn bốn trăm hai mươi mốt) đồng, ông Nguyễn Hữu Q phải nộp.

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.107.268 (Năm triệu một trăm lẻ bảy ngàn hai trăm sáu mươi tám) đồng theo Biên lai thu số 0000693 ngày 04/02/2015 và số tiền 4.557.476 (Bốn triệu năm trăm năm mươi bảy ngàn bốn trăm bảy mươi sáu) đồng theo Biên lai thu số 0009922 ngày 14/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Án xử công khai. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- Chi Cục THADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Thanh Thảo